TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 645/2020/HC-PT

Ngày 20/10/2020

V/v Khiếu kiện quyết định hành chính

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đặng Văn Thành**

Các thẩm phán: Ông **Võ Văn Khoa**

Ông **Phạm Văn Công**

***Thư ký phiên tòa*:** Ông **Lê Văn Duẩn**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh,

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Ông **Nguyễn Văn Phượng**, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 10 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 322/2020/TLPT-HC ngày 25/6/2020 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính". Do bản án hành chính sơ thẩm số 67/2019/HCST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3568/2020/QĐPT-HC ngày 21/9/2020 giữa:

Người khởi kiện: Nguyễn Văn N , sinh năm 1945

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa, sinh năm 1982 (có mặt)

(Theo văn bản ủy quyền ngày 17/9/2019).

Cùng địa chỉ: tổ 24, ấp 4, xã L H , huyện C Gi, tỉnh Long An.

Người bị kiện:

1/ Ủy ban nhân dân huyện C Gi, tỉnh Long An

2/ Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện C Gi, tỉnh Long An

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Anh Đ - Phó Chủ tịch UBND huyện C Gi (Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt)

(theo văn bản ủy quyền số 2950/UBND-NC ngày 06/11/2019)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho UBND huyện C Gi: Ông Nguyễn Hoài Th; Chức vụ: Phó Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và môi trường huyện (có mặt)

(Theo văn bản cử người bảo vệ số 2951/UBND-VP ngày 06/11/2019).

3/ Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh Long An

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn C - Phó Chủ tịch UBND tỉnh. (Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt)

(Theo văn bản ủy quyền số 6396/UBND ngày13/11/2019)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND tỉnh: Ông Trần Thanh S- Phó phòng quản lý đất đai Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Long An (Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt)

4/ Ủy ban nhân dân xã L H , huyện C Gi, tỉnh Long An

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Chính - Chủ tịch UBND xã (Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Văn E, sinh năm 1956

Địa chỉ: 1/25 Ấp 4, xã Nh Đ, huyện Nh B, TP Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Người khởi kiện, ông Nguyễn Văn N do đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa trình bày***:**

Thửa đất số 121, tờ bản đồ số 4, diện tích 5.232m^2 loại đất thổ do UBND huyện C Gi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 025369 ngày 20/12/1997 cho ông Nguyễn Văn N .

Năm 2007, ông N thực hiện tách thửa cho các con thì cán bộ địa chính xã L H yêu cầu ông N phải ký đơn giảm diện tích thửa 121 từ 5.235m^2 xuống còn 3.343m^2 giảm 1.892m^2.

Tuy nhiên, thực tế ông N vẫn sử dụng phần diện tích 1.892m^2 và đóng thuế đến năm 2008. Năm 2008 thửa 121 nằm trong quy hoạch, ông N yêu cầu UBND xã L H xác nhận diện tích 1.892m^2 là của ông N nhưng UBND xã L H ban hành văn bản số 169/UBND-KT ngày 09/10/2018 xác định ông N đã được điều chỉnh giảm diện tích 1.892 m^2 trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông N để công nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Văn E nên không xem xét giải quyết khiếu nại của ông Nữa.

Ông N khiếu nại việc điều chỉnh giảm diện tích đất, Chủ tịch UBND huyện C Gi ban hành văn bản số 456/UBND-TNMT ngày 21/3/2019 có nội dung: kiến nghị của ông N không có cơ sở để xem xét giải quyết. Ông N ủy quyền cho con là bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa làm đơn khiếu nại. Chủ tịch UBND huyện C Gi ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 3304/QĐ-UBND ngày 295/2019 với nội dung không chấp nhận khiếu nại của ông Nữa. Ông N khiếu nại đến UBND tỉnh Long An, Chủ tịch UBND tỉnh Long An ban hành văn bản số 4467/QĐ-UBND ngày 22/8/2019 với nội dung không xem xét khiếu nại của ông Nữa. Do đó, ông Nguyễn Văn N khởi kiện yêu cầu xem xét hành vi hành chính của UBND huyện C Gi về việc điều chỉnh giảm diện tích đất của ông N đối với diện tích 1.892m^2 thuộc một phần thửa 121 là trái pháp luật. Đồng thời, ông N yêu cầu Tòa án hủy văn bản số

169/UBND-KT ngày 9/10/2018 của Ủy ban nhân dân xã L H ; hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 3304/QĐ-UBND ngày 295/2019 của UBND huyện C Gi và hủy văn bản số 4467/QĐ-UBND ngày 22/8/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Long An.

Người bị kiện - Ủy ban nhân dân xã L H không có văn bản ý kiến, không tham gia tố tụng.

Tại văn bản số 3027/URND-NC ngày 19/11/2019, người bị kiện - Ủy ban nhân dân huyện C Gi và Chủ tịch UBND huyện C Gi trình bày:

Ngày 20/12/1997, ông Nguyễn Văn N được UBND huyện C Gi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong đó có thửa 121, diện tích 5.325m^2, loại đất ONT, tọa lạc ấp 4, xã L H . Năm 2007, ông N có đơn xin đăng ký biến động về quyền sử dụng đất đối với thửa 121 nội dung xin điều chỉnh từ 5.325m^2 xuống còn 3.343m^2 diện tích chênh lệch là 1.892m^2 (trên các hồ sơ, giấy tờ điều chỉnh giảm diện tích đều có chữ ký của ông Nữa).

Sau khi điều chỉnh giảm diện tích, ông N lập thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất cho 09 người con với tổng diện tích là 2.815m^2, diện tích còn lại là 528m^2. Ngày 22/01/2014, UBND huyện C Gi ban hành Quyết định 657/QĐ-UBND về việc điều chỉnh Quyết định thu hồi đất số 5448/QĐ-UBND ngày 12/6/2009 của UBND huyện C Gi về việc thu hồi đất của hộ ông (bà) Nguyễn Văn N để giao Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Thái Sơn đầu tư dự án khu thương mại biệt thự và chung cư cao cấp tại xã L H với nội dung "Điều chỉnh diện tích thu hồi thửa đất số 121 từ 4.454m^2 thành 528m^2, loại đất thổ + vườn thành đất ở nông thôn". Sau khi nhận Quyết định 657/QĐ-UBND của UBND huyện C Gi, ông N không khiếu nại và nhận tiền bồi thường theo Quyết định 851/QĐ-UBND ngày 25/01/2014 của UBND huyện với số tiền 713.184.241 đồng, ông N nhận hỗ trợ tái định cư bằng tiền 208.053.000 đồng theo Quyết định 517/QĐ-UBND ngày 29/01/2015.

Đến ngày 24/01/2019, ông Nguyễn Văn N có đơn kiến nghị UBND huyện xem xét việc điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 121, tờ bản đồ số 4, xã L H .

Xét thấy, ông Nguyễn Văn N , có đơn xin tách thửa 121 để tặng cho con. Qua đo đạc thực tế diện tích thửa 121 có diện tích 3.343m^2, giảm 1.892m^2. Theo đó ông N có đơn xin đăng ký biến động. Ngoài ra, đối với ông Nữa, UBND huyện C Gi không thực hiện giao đất (chỉ công nhận quyền sử dụng đất khi cấp giấy và cũng không thu hồi đất đối với ông Nguyễn Văn N , do đó không thể áp dụng khoản 2 Điều 42 Nghị định số 181/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ và Điều 38 Luật đất đai để thu hồi Giấy của ông Nữa).

Nếu thực hiện theo Điều 21 Nghị định 84/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ thì tại thời điểm này chưa có quy định, hướng dẫn cụ thể các trường hợp cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trái pháp luật nên không có cơ sở để xác định việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không đúng diện tích của ông N là trái pháp luật.

Căn cứ khoản 1, Điều 42 Nghị định 181/NĐ-CP của Chính phủ và khoản 1 Mục I Thông tư số 01/2005/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và môi Trường thực

hiện điều chỉnh đính chính giảm diện tích 1.892m^2 trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn N là đúng quy định. UBND huyện C Gi xác định:

- Giữ nguyên Công văn số 456/UBND-TNMT ngày 21/3/2019 của Chủ tịch UBND huyện C Gi, giữ nguyên Quyết định 3304/QĐ-UBND ngày 29/5/2019 của Chủ tịch UBND huyện C Gi.

- Không đồng ý hủy nội dung giảm diện tích thửa đất 121 trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1095 do UBND huyện C Gi cấp cho ông Nguyễn Văn N .

Người bị kiện - Ủy ban nhân dân tỉnh Long An không có văn bản ý kiến và không tham gia tố tụng tại Tòa án

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 67/2019/HCST ngày 27/11/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Long An quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N về hành vi hành chính và quyết định hành chính của UBND huyện Giuộc, Chủ tịch UBND huyện C Gi, UBND xã L H và Chủ tịch UBND tỉnh Long An.

Hành vi của UBND huyện C Gi thực hiện việc điều chỉnh giảm diện tích trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn N đối với thửa 121 từ diện tích 5.235m^2 còn 3.343m^2 (giảm 1.892m^2) là hành vi trái pháp luật.

Buộc UBND huyện Cần Gỉuộc phải thực hiện công vụ xử lý việc hủy bỏ điều chỉnh giảm diện tích trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn N và giải quyết quyền lợi của ông Nguyễn Văn N đối với diện tích 1.892m^2 thuộc 01 phần thửa 121 (nay là thửa 4536) theo quy định pháp luật.

Hủy văn bản 169/UBND-KT ngày 09/10/2019 của UBND xã L H .

Hủy văn bản 456/UBNĐ-TNMT ngày 21/3/2019 của UBND huyện C Gi và Quyết định giải quyết khiếu nại số 3304/QĐ-UBND ngày 29/5/2019 của Chủ tịch UBND huyện C Gi.

Hủy văn bản số 4467/UBNĐ-NCTCD ngày 22/8/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Long An.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí giám định, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 02/12/2019 Chủ tịch UBND huyện C Gi kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh Long An, Ủy ban nhân dân huyện C Gi, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C Gi và Ủy ban nhân dân xã L H đề nghị xét xử vắng mặt, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Lê Văn E không kháng cáo nên xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 225 Luật Tố tụng hành chính.

Người bị kiện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C Gi giữ nguyên kháng cáo, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N .

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C Gi, trình bày: việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1997 cho ông

Nguyễn Văn N là theo hồ sơ địa chính, thực hiện trên không ảnh nên có sai sót. Khi ông N làm thủ tục cho đất cho con, đo đạc lại đã phát hiện sai sót diện tích nên điều chỉnh lại diện tích cho đúng theo chỉ ranh của ông Nữa.

Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì thửa 121 (5.325m^2) đo đạc lại theo chỉ ranh thì thửa 121 chỉ có diện tích 3.343 m^2 nên Ủy ban nhân huyện C Gi điều chỉnh diện tích, cập nhật biến động giảm diện tích 1892 m^2 theo đo đạc thực tế là đúng quy định của pháp luật và diện tích 1892 m^2 (5.325m^2 – 3.343 m^2) là thửa 4536 do người khác quản lý sử dụng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện, trình bày: Phần đất điều chỉnh diện tích là thửa 121 giảm 1892 m^2 (5.325m^2 – 3.343 m^2) làm thành thửa 4536 trên thực tế vẫn do ông N đang quản lý, sử dụng và phần đất giữa ông N với ông Em có ranh giới rõ ràng không tranh chấp đất, nhưng ông Lê Văn E lại đứng tên quyền sử dụng thửa 4536 (1892 m^2). Do đó, việc đính chính giảm diện tích và cập nhật biến động giảm diện tích 1892 m^2 đất của ông N là không đúng, đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện không tranh luận, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diệnViện kiểm sát phát biểu: Về tố tụng, Hội đồng xét xử và các đương sự tuân thủ theo quy định của Luật tố tụng hành chính. Về nội dung, theo biên bản kiểm tra ngày 13/11/2007 không có chữ ký của các hộ liền kề và kết quả thẩm định tại chỗ thì ông Em không tranh chấp đất, thửa 121 và thửa 4536 có ranh giới rõ ràng nên việc điều chỉnh giảm diện tích là không đúng. Việc tự tách thửa 121 (5.325m^2) thành 02 thửa là thửa 121(3.343 m^2) và thửa 4536 (1892 m^2) là không đúng. Trong trường hợp sai sót diện tích thì thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để cấp lại mới đúng, vì đính chính diện tích thì khác với tách thửa, cập nhật biến động giảm diện tích trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nữa. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C Gi và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

1.Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền giải quyết khiếu nại:

Thửa đất số 121, tờ bản đồ số 4 diện tích 5.232m^2 loại đất thổ do UBND huyện C Gi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 025369 ngày 20/12/1997 cho ông Nguyễn Văn N .

Năm 2007, ông N thực hiện tách thửa cho các con thì cán bộ địa chính xã L H yêu cầu ông N phải ký đơn giảm diện tích thửa 121 từ 5.235m^2 xuống còn 3.343m^2 giảm 1.892m^2.

Tuy nhiên, thực tế ông N vẫn sử dụng phần diện tích 1.892m^2 và đóng thuế đến năm 2008. Năm 2008 thửa 121 nằm trong quy hoạch, ông N yêu cầu UBND xã L H xác nhận diện tích 1.892m^2 là của ông N nhưng UBND xã L H ban hành văn bản số 169/UBND-KT ngày 09/10/2018 xác định ông N đã được điều chỉnh giảm diện tích 1.892 m^2 trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông N để công nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Văn E nên không xem xét giải quyết

khiếu nại của ông Nữa.

Ông N tiếp tục khiếu nại và các các cơ quan có thẩm quyền đã giải quyết khiếu nại nhưng ông N không đồng ý, cụ thể:

Tại Văn bản 456/UBNB-TNMT ngày 21/3/2019 của UBND huyện C Gi và Quyết định giải quyết khiếu nại số 3304/QĐ-UBND ngày 29/5/2019 của Chủ tịch UBND huyện C Gi có nội dung không chấp nhận khiếu nại của ông Nữa.

Tại Văn bản số 4467/UBNĐ-NCTCD ngày 22/8/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Long An có nội dung xác định kiến nghị của ông N (do bà Hoa đại diện theo ủy quyền) không có cơ sở.

Việc cập nhật biến động, điều chỉnh về diện tích trên giấy chứng nhận của ông N và các quyết định giải quyết khiếu nại là hành vi, quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, đối tượng khởi kiện theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

2/ Về nội dung của quyết định giải quyết khiếu nại:

Ngày 19/11/2007 ông N có đơn xin đăng ký biến động về sử dụng đất có nội dung diện tích thửa 121 từ diện tích 5.235m^2 còn 3.343m^2 (giảm 1.892m^2) do tính toán sai diện tích khi cấp giấy chứng nhận.

Ngày 19/11/2007 UBND xã L H có tờ trình đề nghị chỉnh lý diện tích thửa 121 tờ bản đồ số 4 kèm theo:

- Họa đồ vị trí khu đất.
- Biên bản xác nhận ranh ngày 13/11/2007.
- Trích đo bản đồ địa chính ngày 23/11/2007 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất.

Trên cơ sở hồ sơ đăng ký biến động, ngày 27/12/2007, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất đã cập nhật biến động, đính chính giảm 1.892m^2, diện tích còn 3.343m^2 đối với thửa 121 trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nữa.

- Về điều chỉnh diện tích: Theo biên bản kiểm tra ngày 13/11/2007 và trích đo địa chính ngày 13/11/2007 của Phòng tài nguyên và môi trương huyện C Gi thửa 121 có diện tích 3.343m^2, nhưng giấy CNQSD đất của ông N diện tích 5.325m^2 loại đất ONT, là sai diện tích so với thực tế nhưng không có các hộ liền kề ký ranh là thiếu sót.

Lẽ ra, phải thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để cấp lại cho đúng diện tích nhưng Ủy ban nhân dân huyện C Gi lại điều chỉnh giảm diện tích trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông N là không phù hợp với quy định của Luật đất đai.

Về đăng ký cập nhật biến động: Theo hồ sơ đăng ký cập nhật biến động của ông N có nội dung biến động giảm diện tích thửa 121 (5.325 m^2) nhưng khi cập nhật biến động trên hồ sơ địa chính lại tách thành 2 thửa, là thửa 121 có diện tích 3.343m^2 và thửa mới là 4536, tờ bản đồ số 04 diện tích 1.892m^2, là cập nhật chỉnh lý biến động không đúng vì không có việc tách thửa và không phù hợp nội dung đăng ký biến động của ông Nữa.

Tại văn bản số 879/CN.VPĐKĐĐ ngày 29/10/2019 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thì hồ sơ địa chính về thửa 121 có diện tích 3.343m^2 và thửa mới là 4536 có diện tích 1.892m^2, chưa cấp GCNQSD đất, đã thể hiện việc tách thửa là không có căn cứ.

Về thực tế quản lý sử dụng: Theo nội dung văn bản số 169/UBND-KT ngày 09/10/2018 của UBND xã L H thì ông Lê Văn E ngụ tại ấp 4, xã Nhơn Đức, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh đang trực tiếp quản lý sử dụng một phần thửa đất số 121, tờ bản đồ số 4 diện tích 1.892m^2 loại đất lúa hiện nay là (thửa 4536, tờ BĐ.số 04)...". Tuy nhiên, tại biên xem xét bản thẩm định tại chỗ ngày 07/11/2019 thì diện tích 1.892m^2 đất ông N đang quản lý sử dụng, còn ông Lê Văn E đang sử dụng thửa 117, thửa 118 và thửa 4536 nhưng không tranh chấp vì phần đất thửa 121 và thửa 4536 có ranh rõ ràng.

Như vậy, do không kiểm tra thực tế đầy đủ, UBNB huyện C Gi đã điều chỉnh giảm diện tích thửa 121 trên giấy chứng nhận của ông N và cập nhật biến động tách thửa 121 trong hồ sơ địa chính không đúng, dẫn đến giảm diện tích thửa 121 (5.235m^2) còn 3.343m^2, phần diện tích giảm 1.892m^2 tạo thành thửa 4536 tờ bản đồ số 4, chưa cấp quyền sử dụng đất cho ai, là không đúng.

Hiện tại, phần diện tích 1.892m^2 đất thuộc một phần thửa 121 (thửa 4536 mới) do ông N đang quản lý, sử dụng bị ảnh hưởng theo quy hoạch dự án khu thương mại biệt thự và chung cư cao cấp nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc UBND huyện C Gi phải thực hiện công vụ xử lý việc hủy bỏ điều chỉnh giảm diện tích trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn N và giải quyết quyền lợi của ông Nguyễn Văn N đối với diện tích 1.892m^2 đất thuộc một phần thửa 121 (nay là thửa 4536) theo quy định pháp luật về đất đai, là có cơ sở.

Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Chủ tịch UBND huyện C Gi và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Chủ tịch UBND huyện C Gi phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính;

QUYẾTĐỊNH

Không chấp nhận kháng cáo của của Chủ tịch UBND huyện C Gi, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N về hành vi hành chính và quyết định hành chính của UBND huyện C Gi, Chủ tịch UBND huyện C Gi, UBND xã L H và Chủ tịch UBND tỉnh Long An.

- Hành vi của UBND huyện C Gi thực hiện việc điều chỉnh giảm diện tích trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn N đối với thửa 121 từ diện tích 5.235m^2 còn 3.343m^2 (giảm 1.892m^2) là hành vi trái pháp luật.

- Buộc UBND huyện C Gi phải thực hiện công vụ xử lý việc hủy bỏ điều

chỉnh giảm diện tích trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn N và giải quyết quyền lợi của ông Nguyễn Văn N đối với diện tích 1.892m^2 thuộc 01 phần thửa 121 (nay là thửa 4536) theo quy định pháp luật.

- Hủy văn bản 169/UBND-KT ngày 09/10/2018 của UBND xã L H , huyện C Gi, tỉnh Long An.

- Hủy văn bản 456/UBNĐ-TNMT ngày 21/3/2019 của UBND huyện C Gi và Quyết định giải quyết khiếu nại số 3304/QĐ-UBND ngày 29/5/2019 của Chủ tịch UBND huyện C Gi, tỉnh Long An.

- Hủy văn bản số 4467/UBNĐ-NCTCD ngày 22/8/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Long An.

Chủ tịch UBND huyện C Gi phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng số 0000751 ngày 30/12/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Long An.

- Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Tòa án nhân dân tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- Cục THADS tỉnh Long An;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Văn Thành